

Số: 10 /2016/TT-BXD

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới
theo quy hoạch xây dựng**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quy hoạch – Kiến trúc;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng đặc thù và quy hoạch nông thôn; triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa và quản lý mốc giới.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Các loại mốc giới

1. Các mốc giới cắm ngoài thực địa gồm: mốc tim đường, mốc chỉ giới đường đỏ, mốc ranh giới khu vực cấm xây dựng theo hồ sơ cắm mốc giới đã được phê duyệt.

2. Mốc tim đường là mốc xác định toạ độ và cao độ vị trí các giao điểm và các điểm chuyển hướng của tim đường, có ký hiệu TĐ

3. Mốc chỉ giới đường đỏ là mốc xác định đường ranh giới phân định giữa phần lô đất để xây dựng công trình và phần đất được dành cho đường giao thông hoặc các công trình hạ tầng kỹ thuật, có ký hiệu CGĐ.

4. Mốc ranh giới khu vực cấm xây dựng là mốc xác định đường ranh giới khu vực cấm xây dựng; khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và các khu vực cần bảo vệ khác, có ký hiệu RG.

5. Trong trường hợp mốc giới cần cắm nằm bên trong công trình hiện trạng, gây ảnh hưởng đến công trình hiện trạng thì xác định mốc tham chiếu để thay thế mốc giới cần cắm, có ký hiệu MTC.

Điều 3. Nguyên tắc chung về lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa

1. Đối với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa được thực hiện ngay sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành kế hoạch cắm mốc giới.

2. Đối với quy hoạch chi tiết, công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa được thực hiện sau khi đồ án Quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với khu vực cấm xây dựng, khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa và các khu cần bảo vệ khác đã cắm mốc ranh giới theo quy định chuyên ngành thì không phải thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

4. Đối với các tuyến đường giao thông xác định giữ nguyên quy mô hoặc phạm vi chiếm dụng theo hiện trạng trong quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; các tuyến đường nội bộ phục vụ trong các khu vực đã được giao cho một đơn vị quản lý và sử dụng hợp pháp, ổn định và phù hợp với quy hoạch thì không phải thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng.

5. Trên cơ sở yêu cầu quản lý và hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng tại địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định về tỷ lệ bản đồ lập hồ sơ cắm mốc giới đối với hồ sơ cắm mốc giới thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình theo quy định tại khoản 3 Điều 5 tại Thông tư này.

Điều 4. Lập kế hoạch cắm mốc giới

1. Đối với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng đặc thù, căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng cấp tỉnh, huyện có trách nhiệm lập Kế hoạch cắm mốc giới, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành, làm cơ sở để các đơn vị liên quan triển khai thực hiện cắm mốc giới theo các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị, khu chức năng đặc thù được duyệt.

2. Đối với quy hoạch chung xây dựng xã, căn cứ vào đồ án quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm lập Kế hoạch cắm mốc giới, trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành, làm cơ sở để các đơn vị liên quan triển khai thực hiện cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt.

3. Kế hoạch cắm mốc giới phải phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng, kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù và xã nông thôn.

4. Kế hoạch cắm mốc giới các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu phải xác định rõ các nội dung:

a) Các tuyến đường giao thông, khu vực cấm xây dựng ưu tiên thực hiện cắm mốc; danh mục các tuyến đường, khu vực thực hiện cắm mốc giới.

b) Các khu vực đang hoặc có kế hoạch dự kiến lập đồ án quy hoạch chi tiết trong giai đoạn ngắn hạn.

c) Các khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và các khu vực cần bảo vệ khác đang hoặc có kế hoạch dự kiến cắm mốc bảo vệ theo quy định của pháp luật.

d) Tiến độ, thời gian, cơ quan tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ cắm mốc; kinh phí lập hồ sơ và triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa.

Điều 5. Yêu cầu về hồ sơ cắm mốc giới và quy định bản đồ phục vụ lập hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng

1. Hồ sơ cắm mốc giới phải tuân thủ đồ án quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

2. Hồ sơ cấm mốc giới phải được lập trên bản đồ địa hình dạng số do cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

3. Ranh giới đo đạc và tỷ lệ bản đồ lập hồ sơ cấm mốc phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực lập hồ sơ cấm mốc giới:

a) Đối với khu vực nội thành, nội thị, hồ sơ cấm mốc giới các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500.

b) Đối với khu vực ngoại thành, ngoại thị, hồ sơ cấm mốc giới đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/2.000 hoặc 1/500.

Điều 6. Khoảng cách các mốc giới cấm ngoài thực địa

Khoảng cách giữa các mốc giới từ 30 mét trở lên tùy thuộc vào địa hình địa mạo khu vực cấm mốc và phải đảm bảo yêu cầu quản lý về ranh giới và cao độ. Trường hợp khoảng cách giữa các mốc giới nhỏ hơn 30 mét thì phải giải trình trong thuyết minh của hồ sơ cấm mốc giới.

Điều 7. Kinh phí cho công tác lập hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước được sử dụng để lập hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa, bổ sung và khôi phục mốc giới đối với các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết không thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh.

2. Kinh phí của các tổ chức, cá nhân được sử dụng để lập hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa trong khu vực dự án đối với các đồ án quy hoạch thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh.

Điều 8. Điều kiện, năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia lập hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa

Tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải có đủ điều kiện, năng lực về hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ, HỒ SƠ CẨM MỐC GIỚI VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI CẨM MỐC GIỚI NGOÀI THỰC ĐỊA

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới các đề án quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc tỉnh và thị xã tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới các đề án quy hoạch quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù trong địa giới hành chính do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân quận tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới các đề án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới các đề án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết thị trấn thuộc huyện; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng đặc thù trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Ủy ban nhân dân xã tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc giới đề án quy hoạch chung xây dựng xã do mình quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

6. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai cắm mốc giới đề án quy hoạch chi tiết trong khu vực dự án. Hồ sơ cắm

mốc giới trước khi phê duyệt phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định đô án quy hoạch chi tiết chấp thuận để đảm bảo tuân thủ theo đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

Điều 10. Cơ quan thẩm định nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng được duyệt

Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân các cấp thẩm định nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 11. Quy định về cấm mốc giới đối với đô án quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù và quy hoạch chung xây dựng xã.

1. Đối với thành phố trực thuộc trung ương, các mốc giới cấm ngoài thực địa bao gồm:

a) Mốc tim đường các đường phố chính đô thị dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong thành phố;

b) Mốc chỉ giới đường đỏ các đường phố chính đô thị dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong thành phố;

c) Mốc giới xác định ranh giới khu vực cấm xây dựng; khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và các khu vực cần bảo vệ khác.

2. Đối với thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn, đô thị mới và khu chức năng đặc thù, các mốc giới cấm ngoài thực địa bao gồm:

a) Mốc tim đường các đường phố chính và đường khu vực dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong đô thị, khu chức năng đặc thù;

b) Mốc chỉ giới đường đỏ các đường phố chính và đường khu vực dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong đô thị, khu chức năng đặc thù;

c) Mốc giới xác định ranh giới khu vực cấm xây dựng; khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và các khu vực cần bảo vệ khác.

3. Đối với xã, các mốc giới cấm ngoài thực địa bao gồm:

a) Mốc tim đường các trục đường chính trong xã, đường liên thôn, đường trục chính thôn và đường chính nội đồng dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong xã;

b) Mốc chỉ giới đường đỏ các trục đường chính trong xã, đường liên thôn, đường trục chính thôn và đường chính nội đồng gắn với công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong xã;

c) Mốc giới xác định ranh giới khu vực cấm xây dựng; khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và các khu vực cần bảo vệ khác.

Điều 12. Quy định về cắm mốc giới đối với đồ án quy hoạch phân khu

Các mốc giới cắm ngoài thực địa đối với đồ án quy hoạch phân khu bao gồm:

1. Mốc tim đường các tuyến đường dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch;

2. Mốc chỉ giới đường đỏ các tuyến đường dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch;

3. Mốc giới xác định ranh giới khu vực cấm xây dựng, bao gồm các mốc xác định đường ranh giới khu vực cấm xây dựng, khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và khu vực cần bảo vệ khác trong khu vực quy hoạch.

Điều 13. Quy định về cắm mốc giới đối với đồ án quy hoạch chi tiết

Các mốc giới cắm ngoài thực địa bao gồm:

1. Mốc tim đường các tuyến đường, tuyến ngõ dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch;

2. Mốc chỉ giới đường đỏ các tuyến đường, tuyến ngõ dự kiến xây dựng mới hoặc cải tạo trong khu vực quy hoạch. Trên thân mốc chỉ giới đường đỏ phải thể hiện rõ các thông số quy định về chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng;

3. Mốc ranh giới khu vực cấm xây dựng, bao gồm các mốc xác định đường ranh giới khu vực cấm xây dựng, khu bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử, văn hoá và khu vực cần bảo vệ khác trong khu vực quy hoạch.

Điều 14. Hồ sơ nhiệm vụ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng

Hồ sơ nhiệm vụ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng bao gồm:

1. Thuyết minh nhiệm vụ cắm mốc giới:

a) Xác định yêu cầu cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng;

b) Xác định khối lượng công việc cần thực hiện;

c) Xác định kinh phí thực hiện việc lập hồ sơ cắm mốc giới;

d) Tổ chức thực hiện và dự kiến thời gian lập hồ sơ cắm mốc giới.

2. Thành phần bản vẽ:

Sơ đồ vị trí và giới hạn phạm vi cắm mốc giới trích từ đồ án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp.

3. Các văn bản pháp lý có liên quan
4. Tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ hồ sơ cấm mốc giới
5. Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ cấm mốc giới.

Điều 15. Hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng

Hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng bao gồm:

1. Thuyết minh hồ sơ cấm mốc giới:
 - a) Căn cứ lập hồ sơ cấm mốc giới;
 - b) Đánh giá hiện trạng khu vực cấm mốc giới;
 - c) Nội dung cấm mốc giới bao gồm: Các loại mốc giới cần cấm; số lượng mốc giới cần cấm; phương án định vị mốc giới; khoảng cách các mốc giới; các mốc tham chiếu (nếu có).
 - d) Khái toán kinh phí triển khai cấm mốc;
 - e) Tổ chức thực hiện.
2. Thành phần bản vẽ:
 - a) Sơ đồ vị trí và giới hạn phạm vi cấm mốc giới trích từ đồ án quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp.
 - b) Bản vẽ cấm mốc giới phải thể hiện vị trí, tọa độ, cao độ của các mốc giới cần cấm, trên nền bản đồ địa hình và tỷ lệ được quy định tại Điều 5 của Thông tư này.
3. Các văn bản pháp lý có liên quan.
4. Tờ trình và dự thảo quyết định phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới
5. Hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập hồ sơ cấm mốc giới.
6. Đĩa CD lưu giữ toàn bộ thuyết minh và bản vẽ.

Điều 16. Quy định về lập điều chỉnh quy hoạch, hồ sơ cấm mốc giới

1. Sau khi đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, việc lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, hồ sơ cấm mốc giới và tổ chức triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa được thực hiện theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15 của Thông tư này.
2. Trên cơ sở nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch, cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch, hồ sơ cấm mốc giới phải rà soát, làm rõ các yêu cầu và nội dung cần điều chỉnh, bổ sung trong nhiệm vụ và hồ sơ cấm mốc giới.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN CẤM MỐC GIỚI, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO MỐC GIỚI NGOÀI THỰC ĐỊA

Điều 17. Thực hiện cấm mốc giới ngoài thực địa

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập hồ sơ cấm mốc giới và tổ chức triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa được quy định tại Điều 9 của Thông tư này được thuê tổ chức tư vấn, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định tham gia thực hiện.

2. Cơ quan tổ chức triển khai cấm mốc giới có trách nhiệm bổ sung các mốc giới tham chiếu phát sinh trong quá trình triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa vào hồ sơ cấm mốc giới đã được phê duyệt.

Điều 18. Trách nhiệm phối hợp cấm mốc giới ngoài thực địa

1. Kế hoạch thực hiện, bản vẽ cấm mốc giới phải được cơ quan, đơn vị triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa gửi đến UBND cấp xã có liên quan trước khi triển khai thực hiện các công tác khảo sát, đo đạc, triển khai mốc giới ngoài thực địa.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào kế hoạch khảo sát, đo đạc, triển khai cấm mốc giới ngoài thực địa, có trách nhiệm phối hợp với đơn vị thực hiện cấm mốc giới.

Điều 19. Nghiệm thu, bàn giao mốc giới ngoài thực địa

Sau khi hoàn thành cấm mốc ngoài thực địa theo hồ sơ cấm mốc giới và hoàn công hồ sơ cấm mốc giới theo thực tế triển khai ngoài thực địa, cơ quan có trách nhiệm tổ chức triển khai cấm mốc giới tổ chức nghiệm thu và bàn giao cho chính quyền cấp xã có liên quan để tổ chức bảo vệ cột mốc.

Điều 20. Quy định về cột mốc

1. Cột mốc bao gồm phần móng chôn mốc, đế mốc và thân mốc, được sản xuất bằng bê tông cốt thép mác 200, đảm bảo độ bền vững, dễ nhận biết.

2. Đế mốc có kích thước 40x40x50 cm.

3. Thân mốc có chiều dài 90 cm. Mặt cắt ngang các loại thân mốc được quy định như sau:

a) Mốc tim đường có mặt cắt ngang hình tròn, đường kính 15 cm;

b) Mốc chỉ giới đường đỏ có mặt cắt ngang hình vuông, chiều dài cạnh 15 cm;

c) Mốc ranh giới các khu vực có mặt cắt ngang hình tam giác đều, chiều dài cạnh 15 cm;

d) Mốc tham chiếu có mặt cắt ngang giống mặt cắt ngang của mốc giới cần cắm; trên mốc tham chiếu thể hiện đầy đủ các thông số để dẫn chiếu đến mốc giới cần cắm.

4. Mặt mốc được gắn tim sứ hoặc tim sắt có khắc chìm ký hiệu và số hiệu mốc.

5. Độ sâu phần móng chôn mốc tối thiểu là 100 cm.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ MỐC GIỚI, LƯU GIỮ HỒ SƠ VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ MỐC GIỚI

Điều 21. Trách nhiệm quản lý và bảo vệ mốc giới

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm quản lý các mốc giới quy hoạch nằm trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Hàng năm tổ chức kiểm tra, bổ sung, khôi phục các mốc giới bị mất hoặc sai lệch so với hồ sơ cắm mốc giới được phê duyệt.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo vệ mốc giới ngoài thực địa, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ, quản lý mốc giới tại địa phương; trường hợp mốc giới bị xê dịch, hư hỏng phải kịp thời báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo bằng văn bản về cơ quan quản lý chuyên ngành để có kế hoạch khôi phục lại.

Điều 22. Lưu giữ hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch

1. Cơ quan quản lý quy hoạch, cơ quan quản lý đất đai các cấp có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ cắm mốc giới thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cùng cấp và cung cấp tài liệu, số liệu liên quan tới mốc giới cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc và tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa giới có trách nhiệm bàn giao hồ sơ cắm mốc giới được duyệt cho cơ quan quản lý quy hoạch, cơ quan quản lý đất đai các cấp có liên quan để lưu giữ, phối hợp quản lý, triển khai cắm mốc ngoài thực địa, phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, quản lý theo quy hoạch xây dựng. Hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt kèm theo thuyết minh; các

bản vẽ đã ký, đóng dấu phê duyệt, tệp tin lưu giữ toàn bộ thuyết minh, bản vẽ và biên bản nghiệm thu, bàn giao mốc giới ngoài thực địa.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sao lục hồ sơ cắm mốc giới, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để quản lý mốc giới trên thực địa.

4. Hồ sơ cắm mốc giới theo quy hoạch xây dựng là tài liệu để chính quyền các cấp sử dụng trong công tác công khai quy hoạch, quản lý quy hoạch; triển khai dự án đầu tư, cấp phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao (thuê) đất theo quy định.

Điều 23. Cung cấp thông tin về hồ sơ cắm mốc giới cho các tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu.

1. Các cơ quan được giao quản lý và lưu giữ hồ sơ cắm mốc giới có trách nhiệm tổ chức việc tiếp nhận và cung cấp hồ sơ cắm mốc giới đã được phê duyệt theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân.

2. Cơ quan cung cấp thông tin về mốc giới có thể cung cấp dưới các hình thức: trả lời bằng văn bản; cung cấp bản sao bản vẽ hồ sơ cắm mốc giới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ cắm mốc giới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa tổ chức triển khai thực hiện; các nhiệm vụ và hồ sơ cắm mốc giới đã lập, thẩm định nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì việc lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và tổ chức triển khai cắm mốc ngoài thực địa thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ cắm mốc giới, triển khai cắm mốc giới và quản lý mốc giới ngoài thực địa có trách nhiệm thực hiện các quy định của Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết.

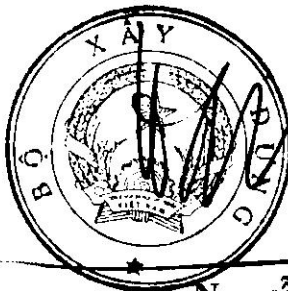
Điều 26. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 30/4/2016 và thay thế Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27/8/2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị./.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các PTTg CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ QHKT.



Nguyễn Đình Toàn